**PHỤ LỤC IV**

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/ NGÀNH PHÙ HỢP VÀ CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG**

**TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (áp dụng theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT )**

*((Ban hành kèm theo Thông báo số /QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2025*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)*

| **TT** | **THẠC SĨ** | **ĐẠI HỌC** | **Các học phần phải học**  **bổ sung** | | **ĐẠI HỌC** | **Các học phần phải học bổ sung** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngành/chuyên ngành** | **Nhóm ngành 1 (ngành đúng)** | **Tên học phần** | **TC** | **Nhóm ngành 2 (ngành gần/ngành khác)** | **Tên học phần** | **TC** |
| 1 | Quản lý giáo dục | - Khoa học giáo dục:  *+ Quản lý giáo dục*  *+ Giáo dục học*  *+ Công nghệ giáo dục (ngành mới)* | **Đã tốt nghiệp trên 5 năm so với thời điểm dự tuyển:** | | - Đào tạo giáo viên | - Đại cương quản lý giáo dục | 3 |
| - Phát triển chương trình giáo dục | 3 |
| - Đại cương quản lý giáo dục | 3 |
| - Hệ thống GD quốc dân và bộ máy quản lý giáo dục | 3 |
| - Phát triển chương trình giáo dục | 3 | - Các nhóm ngành khác (***phải có thâm niên trong lĩnh vực giáo dục tối thiểu 2 năm***) | - Đại cương quản lý giáo dục | 3 |
| - Phát triển chương trình giáo dục | 3 |
| - Hệ thống GD quốc dân và bộ máy quản lý giáo dục | 3 |
| - Tâm lý học đại cương | 3 |
| - Giáo dục học đại cương | 4 |
| 2 | Tâm lý học | - Tâm lý học  *+ Tâm lý học*  *+ Tâm lý giáo dục* | ***Đã tốt nghiệp trên 5 năm so với thời điểm dự tuyển:*** | | - Khoa học giáo dục  - Đào tạo giáo viên  - Công tác xã hội  - Xã hội học và nhân học  - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam  - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài  - Nhóm ngành “khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn  - Khoa học chính trị  - Địa lý học  - Khu vực học  - Y học  - Y tế cộng đồng  - Quản lý y tế | - Tâm lý học phát triển | 3 |
| - Tâm lý học chẩn đoán | 3 |
| - Tham vấn tâm lý | 3 |
| - Tâm lý học đại cương | 3 |
| - PP nghiên cứu chuyên ngành tâm lý học | 3 |
| - Giáo dục học đại cương | 2 |
| - Tâm lý học giáo dục | 2 |
| - Tâm lý học phát triển | 4 | - Tâm lý học đại cương | 2 |
| - Tâm lý học xã hội | 2 |
| - Tâm lý học nhân cách | 3 |
| 3 | Công tác xã hội | - Công tác xã hội:  + Công tác xã hội  + Công tác thanh thiếu niên  + Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | ***Không*** |  | - Tâm lý học  - Khoa học giáo dục  - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam  - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài  - Nhóm ngành “khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn  - Kinh tế học  - Xã hội học và Nhân học  - Tâm lý học  - Khoa học chính trị  - Địa lý học  - Khu vực học  - Báo chí & truyền thông | - Nhập môn công tác xã hội | 3 |
| - Công tác xã hội với cá nhân | 3 |
| - Công tác xã hội với nhóm | 3 |
| - Phát triển cộng đồng | 3 |
| - Nhóm ngành khác ***(phải có giấy xác nhận của đơn vị làm việc liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội)*** | - Nhập môn công tác xã hội | 3 |
| - Công tác xã hội với cá nhân | 3 |
| - Công tác xã hội với nhóm | 3 |
| - Phát triển cộng đồng | 3 |
| - An sinh xã hội và các vấn đề xã hội | 3 |
| 4 | Giáo dục và phát triển cộng đồng |  |  |  | - Khoa học giáo dục  - Đào tạo giáo viên  - Công tác xã hội  - Tâm lý học | - Giáo dục cộng đồng | 3 |
| - Tâm lý học xã hội | 3 |
| - Tâm lý học phát triển | 3 |
| - Xã hội học đại cương | 3 |
| - Giáo dục học đại cương | 3 |
| - Xã hội học và Nhân học  - Nhóm ngành “khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn (các ngành sau):  *+ Văn hoá học*  - Kinh tế học  - Địa lý học:  *+ Địa lý học*  - Y học  - Y tế cộng đồng  - Quản lý y tế  - Du lịch  - Quản trị - Quản lý:  *+ Hành chính công (Quản lý công)* | - Giáo dục cộng đồng | 3 |
| - Tâm lý học xã hội | 3 |
| - Tâm lý học phát triển | 3 |
| - Xã hội học đại cương | 3 |
| - Đánh giá trong giáo dục | 3 |
| 5 | Giáo dục học  (Chuyên ngành Giáo dục học) | - Khoa học giáo dục  - Tâm lý học :  *+ Tâm lý giáo dục*  - Đào tạo giáo viên | **Đã tốt nghiệp trên 5 năm so với thời điểm dự tuyển:** | | - Tâm lý học:  *+ Tâm lý học* | - Giáo dục học đại cương | 2 |
| - Giáo dục học đại cương | 2 | - Lý luận dạy học | 2 |
| - Lý luận dạy học | 2 |
| - Lý luận giáo dục | 2 | - Lý luận giáo dục | 2 |
| Giáo dục học  (Chuyên ngành Giáo dục Tiểu học) | - Đào tạo giáo viên:  *+ Giáo dục Tiểu học* | Không |  | - Khoa học giáo dục  - Đào tạo giáo viên khác  - Tâm lý học:  *+ Tâm lý học giáo dục* | - Tâm lí học sư phạm tiểu học | 3 |
| - Giáo dục học tiểu học | 3 |
| - Phương pháp dạy học Toán tiểu học. | 3 |
| - Cơ sở tự nhiên - xã hội và PPDH | 3 |
| - PPDH Tiếng Việt tiểu học | 3 |
| Giáo dục học  (Chuyên ngành Giáo dục Mầm non) | - Đào tạo giáo viên:  *+ Giáo dục Mầm non* | Không |  | - Khoa học giáo dục  - Đào tạo giáo viên khác  - Tâm lý học:  *+ Tâm lý học giáo dục* | - Tâm lý học - Giáo dục học mầm non | 3 |
| - Giáo dục phát triển trí tuệ cho trẻ mầm non | 3 |
| - Giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non | 3 |
| - Giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non | 4 |
| - Giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non | 2 |
| - Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non | 2 |
| - Chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ mầm non | 3 |
| 6 | Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Toán học*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Toán học* | Không |  | - Toán học | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phương pháp dạy học môn Toán ở trường trung học | 3 |
| Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tin học | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Tin học*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Tin học* | Không |  | - Máy tính  - Công nghệ thông tin:  - Toán học:  *+ Toán tin*  *+ Khoa học dữ liệu* | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phân tích chương trình môn Tin học ở phổ thông | 3 |
| - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Toán* | -Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 3 |
| -Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phân tích chương trình môn Tin học ở phổ thông | 3 |
| - Lập trình C/C++/Python | 3 |
|  | Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Vật lý*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Vật lý* | Không |  | - Khoa học vật chất:  *+ Vật lý học + Vật lý nguyên tử và hạt nhân + Cơ học*  *+ Khoa học vật liệu*  *+Thiên văn học*  *- Vật lý kỹ thuật* | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phân tích chương trình môn Vật lý ở phổ thông | 3 |
| - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp* | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Cơ học lượng tử | 3 |
| Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Sinh học*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Sinh học*  *+ Sư phạm Khoa học tự nhiên* | Không |  | - Sinh học  - Sinh học ứng dụng  - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Công nghệ* | - Giáo dục học (Chỉ dành cho ngành Sinh học, Sinh học ứng dụng) | 3 |
| - Lý luận dạy học Sinh học | 3 |
| - Phát triển chương trình môn Sinh học ở phổ thông | 3 |
| Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Ngữ văn*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Ngữ văn* | Không |  | - Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn:  *+ Văn học**+ Ngôn ngữ học*  - Báo chí & truyền thông:  *+ Báo chí*  *- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam:*  *+ Sáng tác văn học* | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phân tích chương trình môn Ngữ văn ở phổ thông | 3 |
| Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Địa lý*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Địa lý* | Không |  | - Khoa học trái đất  - Địa lý học | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phân tích chương trình môn Địa lý ở trường phổ thông | 3 |
|  | Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Âm nhạc | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Âm nhạc*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Âm nhạc* | Không |  | - Nghệ thuật trình diễn:  *+ Âm nhạc học*  *+ Thanh nhạc*  *+ Piano*  *+ Biểu diễn nhạc cụ phương Tây*  *+ Biểu diễn nhạc cụ truyền thống*  *+ Sáng tác Âm nhạc*  *+ Chỉ huy âm nhạc* | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phân tích chương trình môn Âm nhạc ở trường phổ thông | 3 |
| 7 | Đại số và lý thuyết số | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Toán học*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Toán học*  - Toán học | Không |  | Không | Không |  |
| 8 | Phương pháp toán sơ cấp | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Toán học*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Toán học*  - Toán học | Không |  | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Tin học* | - Giải tích thực một biến | 3 |
| - Giải tích thực nhiều biến | 3 |
| - Đại số tuyến tính | 3 |
| 9 | Toán giải tích | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Toán học*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Toán học*  - Toán học | Không |  | Không | Không |  |
| 10 | Hệ thống thông tin | - Máy tính:  *+ Hệ thống thông tin*  *+ Khoa học máy tính*  *+Mạng máy tính và truyền thông*  *+Kỹ thuật phần mềm*  - Công nghệ thông tin:  *+ Công nghệ thông tin*  *+An toàn thông tin*  - Nhóm ngành khác:  *+ Tin học* | Không |  | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Tin học*  *+ Sư phạm Toán học*  - Quản trị - Quản lý:  *+ Hệ thống thông tin quản lý*  *+ Tin học quản lý*  *+ Quản trị hệ thống thông tin*  - Kinh doanh  *+ Thương mại điện tử*  - Toán học:  *+ Toán học*  *+ Toán tin*  - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông  - Kỹ thuật điện tử, điện tử và viễn thông thông  *+ Kỹ thuật điện tử - viễn thông thông*  - Kinh doanh:  *+ Thương mại điện tử*  - Kinh tế học:  *+ Thống kê kinh tế* | - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao | 2 |
| - Hệ phân tán | 2 |
| - Quy hoạch tuyến tính | 2 |
| - Phân tích và thiết kế hệ thống | 2 |
| 11 | Hóa hữu cơ | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Hóa học*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Hóa học*  - Khoa học vật chất:  *+ Hóa học*  *+ Hóa hữu cơ*  - Dược học:  *+ Hóa dược*  - Khoa học môi trường:  *+Khoa học môi trường* *(có tổng số tín chỉ Hóa học là 45 – 50 TC)*  - Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường  *+ Công nghệ kỹ thuật hóa học*  - Công nghệ dầu khí và khai thác dầu | Không |  | Không | Không |  |
| 12 | Hóa lý thuyết và hóa lý | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Hóa học*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Hóa học*  *+ Sư phạm Khoa học tự nhiên*  - Khoa học vật chất:  *+ Hóa học*  - Dược học:  *+ Hóa dược*  - Khoa học môi trường:  *+Khoa học môi trường* *(có tổng số tín chỉ Hóa học là 45 – 50 TC)*  - Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường  *+ Công nghệ kỹ thuật hóa học*  - Công nghệ dầu khí và khai thác dầu | Không |  | Không | Không |  |
| 13 | Sinh học | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp*  *+ Sư phạm Sinh học*  *+Hoặc Sư phạm song ngành có môn Sinh học*  - Khoa học sự sống:  *+ Sinh học*  - Sinh học - ứng dụng  - Nông nghiệp:  *+ Khoa học cây trồng*  *+ Nông học*  *+Bảo vệ thực vật* | Không |  | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Khoa học tự nhiên*  *+ Sư phạm Công nghệ*  - Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống:  - Nông nghiệp (ngoại trừ Khoa học cây trồng, Nông học, Bảo vệ thực vật)  - Lâm nghiệp:  *+ Quản lý tài nguyên rừng*  *+Lâm học*  - Thủy sản:  *+ Nuôi trồng thủy sản*  *+ Bệnh học thủy sản*  *+ Khoa học thủy sản*  - Thú y  - Quản lý tài nguyên và môi trường:  *+ Quản lý tài nguyên và môi trường*  - Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường:  *+ Kỹ thuật môi trường*  - Khoa học môi trường  - Y học  - Dinh dưỡng  - Kỹ thuật y học | - Sinh học đại cương | 3 |
| - Động vật học | 3 |
| - Thực vật học | 3 |
| - Vi sinh vật học | 3 |
| - Cơ sở Sinh thái học | 3 |
| 14 | Quản lý tài nguyên và môi trường | - Quản lý tài nguyên và môi trường  - Khoa học môi trường: | Không |  | - Sinh học  - Sinh học ứng dụng  - Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường:  *+ Kỹ thuật môi trường*  - Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường  - Công nghệ kỹ thuật môi trường  - Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường:  *+ Kỹ thuật môi trường*  - Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa:  *+ Kỹ thuật trắc địa – bản đồ*  *+ Kỹ thuật địa chất* | - Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường | 3 |
| - Nông nghiệp:  *+ Nông nghiệp*  *+ Nông học*  *+ Khoa học đất* | - Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường | 3 |
| - Công nghệ môi trường | 3 |
| - Lâm nghiệp:  *+ Quản lý tài nguyên rừng*  - Quản lý đất đai  - Các lĩnh vực khác (các ngành sau):  *+ Quản lý lâm nghiệp*  *+ Địa lý học*  *+ Địa lý tự nhiên*  *+ Khí tượng và khí hậu học*  *+ Bản đồ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý*  *+ Quản lý hải sản*  *+ Phát triển bền vững* | - Cơ sở sinh thái học | 3 |
| - Công nghệ môi trường | 3 |
| - Các nhóm ngành khác (các ngành sau):  *+ Thủy văn học*  *+ Hải dương học* | - Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường | 3 |
| - Công nghệ môi trường | 3 |
| Các ngành thuộc nhóm ngành khác ***(phải*** ***có thâm niên trong lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường tối thiểu 2 năm***) | Căn cứ vào bảng điểm tốt nghiệp đại học, người dự thi được bố trí học 3 đến 5/10 học phần sau: |  |
| - Khoa học môi trường đại cương | 3 |
| - Công nghệ môi trường | 3 |
| - Địa lý đại cương | 3 |
| - Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường | 3 |
| - Quy hoạch môi trường | 3 |
| - Đánh giá tác động môi trường | 3 |
| - Kinh tế môi trường | 3 |
| - Luật và chính sách môi trường | 3 |
| - Quan trắc môi trường | 3 |
| - Cơ sở sinh thái học | 3 |
| 15 | Ngôn ngữ học | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Ngữ Văn*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Ngữ văn*  - Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn:  *+ Ngôn ngữ học*  *+ Văn học* | Không |  | - Báo chí và truyền thông  - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam  - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài | - Dẫn luận ngôn ngữ học | 3 |
| 16 | Văn học Việt Nam | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Ngữ Văn*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Ngữ văn*  - Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn:  *+ Văn học* | Không |  | - Báo chí và Truyền thông  - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam  *+ Hán Nôm*  *+ Sáng tác văn học*  - Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn:  *+ Ngôn ngữ học* | - Dẫn luận lí luận văn học | 3 |
| - Phương pháp nghiên cứu khoa học (Văn học) | 2 |
| 17 | Lịch sử Việt Nam | - Đào tạo giáo viên:  *+ Sư phạm Lịch sử*  *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Lịch sử*  - Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn:  *+ Lịch sử* | Không |  | - Đào tạo giáo viên:  *+ Giáo dục chính trị*  - Khoa học chính trị:  - Khu vực học:  *+ Quốc tế học*  *+ Việt Nam học*  *+ Đông Phương học*  - Xã hội học và Nhân học  - Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn (ngành sau):  *+ Văn hóa học*  *+ Quản lý văn hóa*  *+ Văn học*  *+ Tôn giáo học*  - Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng:  *+ Bảo tàng học*  - Báo chí và Truyền thông:  *+ Báo chí*  - Quân sự:  *+ Biên phòng* | - Lịch sử Việt Nam đại cương | 2 |
| - Phương pháp luận sử học | 2 |
| 18 | Việt Nam học | - Khu vực học:  *+ Việt Nam học* | Không |  | - Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn :  *+ Ngôn ngữ học*  *+ Văn học*  *+ Triết học*  *+ Chủ nghĩa xã hội khoa học*  *+ Gia đình học*  *+ Lịch sử*  *+ Văn hóa học*  *+Quản lý văn hóa* | - Văn hóa Đông Nam Á | 2 |
| - Lịch sử Việt Nam đại cương | 2 |
| - Kinh tế du lịch | 2 |
| - Khoa học giáo dục  - Xã hội học và Nhân học  - Tâm lý học  - Khu vực học  - Khoa học chính trị:  - Địa lý học  - Kinh tế học:  *+ Kinh tế*  - Báo chí và Truyền thông:  *+ Báo chí*  - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam  *+ Hán Nôm*  - Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân:  *+Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành*  - Khoa học môi trường | - Cơ sở văn hóa Việt Nam. | 2 |
| - Văn hóa Đông Nam Á | 2 |
| - Lịch sử Việt Nam đại cương | 2 |
| - Kinh tế du lịch | 2 |
| - Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam | 2 |

\* Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét hồ sơ và quyết định./.